

# QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀNG THÔNG

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u>                            | <u>Trang</u> |
|--|--------------|
| <b>BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ</b> | 03 - 04      |
| <b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>           | 05 - 06      |
| <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b> |              |
| - Bảng cân đối kế toán                     | 07 - 07      |
| - Báo cáo kết quả hoạt động                | 08 - 08      |
| - Báo cáo Tài sản                          | 09 - 09      |
| - Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng    | 10 - 10      |
| - Báo cáo danh mục đầu tư                  | 11 - 11      |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính            | 12 - 20      |



## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN**

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Phát Triển Hằng Thông (sau đây gọi tắt là “Quỹ Đầu tư”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021.

### **I. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẰNG THÔNG**

#### **1. Khái quát về Quỹ**

Quỹ Đầu tư Phát Triển Hằng Thông được thành lập và hoạt động theo hình thức quỹ đại chúng đóng và đã được Ủy Ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận trong thông báo số 189/TB-UBCK ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng thành lập quỹ Đầu Tư Phát Triển Hằng Thông.

Trụ sở chính của Quỹ Đầu tư tại Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh, đầu tư**

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính và duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, có khả năng đem lại lợi nhuận hoặc lãi trên vốn cao nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro; Các hình thức đầu tư của Quỹ bao gồm đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp... Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ nhắm đến là trong quá trình đầu tư là làm gia tăng các khoản đầu tư thông qua giúp cho các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính và quản trị doanh nghiệp năng cao năng lực cạnh tranh đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư và lợi ích cho Quỹ.

#### **3. Công ty quản lý và Ngân hàng lưu ký**

Công ty quản lý Quỹ là Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng; Ngân hàng lưu ký là Ngân hàng Thương mại CP Tiên Phong.

### **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **IV. BAN ĐẠI DIỆN, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

#### **Ban Đại diện quỹ**

|     |                 |          |
|-----|-----------------|----------|
| Bà  | Tsai, Hsiu - Li | Chủ tịch |
| Bà  | Lan, Wan - Chen | Ủy Viên  |
| Ông | Ho, Feng Tao    | Ủy Viên  |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

|     |                |               |
|-----|----------------|---------------|
| Ông | Lu, Hui - Hung | Tổng Giám đốc |
|-----|----------------|---------------|

#### **Kế toán trưởng**

|    |                       |
|----|-----------------------|
| Bà | Nguyễn Minh Xuân Trâm |
|----|-----------------------|

Theo danh sách trên, không ai trong Ban Đại diện Quỹ sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Quỹ để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN**

### **V. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Quỹ Đầu tư Phát Triển Hằng Thông và cho Công ty quản lý quỹ.

### **VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Đại diện Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Đại diện Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Đại diện xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Quỹ tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Đại diện Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Đại diện Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **VII. CAM KẾT KHÁC**

Ban Đại diện Quỹ cam kết rằng Quỹ không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Phát Triển Hằng Thông phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021.

Duyệt, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**TM. Ban Đại diện**  
**Chủ tịch**

**Tsai, Hsiu - Li**

Duyệt, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Lu, Hui - Hung**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các thành viên góp vốn, Ban Đại diện  
của QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀNG THÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Phát Triển Hàng Thông, được lập ngày / 03 /2022, từ trang 07 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tài sản, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, Báo cáo danh mục đầu tư cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Đại diện

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Phát Triển Hàng Thông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Đại diện Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ Đầu tư liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Đại diện Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Phát Triển Hàng Thông tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Văn Tuấn**

Số giấy CNĐKHN KTV: 0479-2018-142-1

**Kiểm toán viên**

**Dương Nguyên Thúy Mai**

Số giấy CNĐKHN KTV: 0848-2018-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN</b>                                     |            |             |                       |                       |
| 1. Tiền gửi ngân hàng                                 | 110        | III.1       | 383.606.880           | 307.623.984           |
| 2. Đầu tư chứng khoán                                 | 120        | III.2       | 21.105.920.000        | 21.105.920.000        |
| 3. Đầu tư khác  | 121        | III.2       | 28.481.995.902        | 28.800.000.000        |
| <i>Giá gốc các khoản đầu tư</i>                       |            |             | <i>28.800.000.000</i> | <i>28.800.000.000</i> |
| <i>Chênh lệch đánh giá các khoản đầu tư cuối kỳ</i>   |            |             | <i>(318.004.098)</i>  |                       |
| 4. Phải thu hoạt động đầu tư                          | 130        |             | 3.904.110             | 5.205.479             |
| 5. Phải thu khác                                      | 131        |             |                       |                       |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                              |            |             | <b>49.975.426.892</b> | <b>50.218.749.463</b> |
| <b>B. NGUỒN VỐN</b>                                   |            |             |                       |                       |
| <b>I. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                 |            |             | <b>291.173.196</b>    | <b>284.877.917</b>    |
| 1. Vay ngắn hạn                                       | 310        |             | -                     | -                     |
| 2. Phải trả hoạt động đầu tư                          | 311        |             | -                     | -                     |
| 3. Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư                   | 312        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả phụ cấp cho ban đại diện quỹ              | 314        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng lưu ký | 315        |             | 254.873.196           | 256.377.917           |
| 6. Phải trả khác                                      | 318        |             | 36.300.000            | 28.500.000            |
| <b>II. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                             |            |             | <b>49.684.253.696</b> | <b>49.933.871.546</b> |
| 1. Vốn góp của nhà đầu tư                             | 410        | III.3       | 50.000.000.000        | 50.000.000.000        |
| <i>1.1. Vốn góp</i>                                   | <i>411</i> |             | <i>50.000.000.000</i> | <i>50.000.000.000</i> |
| <i>1.2. Thặng dư vốn góp</i>                          | <i>412</i> |             | <i>-</i>              | <i>-</i>              |
| 2. Kết quả hoạt động chưa phân phối                   | 420        | III.4       | (315.746.304)         | (66.128.454)          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                            | <b>440</b> |             | <b>49.975.426.892</b> | <b>50.218.749.463</b> |

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2022

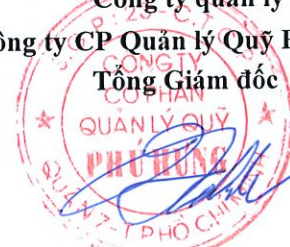
Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Xuân Trâm

Công ty quản lý  
Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng

Tổng Giám đốc



Lu, Hui - Hung

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước          |
|--|-----------|-------------|----------------------|--------------------|
| <b>A. XÁC ĐỊNH KQHD ĐÃ THỰC HIỆN</b>                                     |           |             |                      | -                  |
| <b>I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện</b>                      | <b>10</b> |             | <b>490.459.444</b>   | <b>424.043.424</b> |
| 1. Lãi trái phiếu nhận được  | 12        |             | 473.698.631          | 423.804.551        |
| 2. Lãi tiền gửi  | 13        |             | 260.813              | 238.873            |
| 3. Thu nhập khác   | 18        |             | 16.500.000           | -                  |
| <b>II. Chi phí</b>   | <b>30</b> |             | <b>422.073.196</b>   | <b>413.361.642</b> |
| 1. Phí quản lý quỹ   | 31        |             | 249.873.196          | 250.377.917        |
| 2. Phí lưu ký tài sản quỹ  | 32        |             | 60.000.000           | 60.000.000         |
| 3. Chi phí họp đại hội   | 33        |             | -                    | -                  |
| 4. Chi phí kiểm toán   | 34        |             | 33.000.000           | 22.000.000         |
| 5. Chi phí tư vấn định giá   | 35        |             | 79.200.000           | 79.200.000         |
| 6. Phí và chi phí khác   | 38        |             | -                    | 1.783.725          |
| <b>III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong năm</b> | <b>50</b> |             | <b>68.386.248</b>    | <b>10.681.782</b>  |
| <b>B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN</b>                                |           |             |                      |                    |
| <b>I. Thu nhập</b>   | <b>60</b> |             |                      |                    |
| 1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán                        | 61        |             | -                    | -                  |
| 2. Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm          | 62        |             | -                    | -                  |
| <b>II. Chi phí</b>   | <b>70</b> |             | <b>318.004.098</b>   | -                  |
| 1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư                               | 71        |             | 318.004.098          | -                  |
| 2. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm                | 72        |             | -                    | -                  |
| <b>III. Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối năm</b>                    | <b>80</b> |             | <b>(318.004.098)</b> | -                  |
| <b>C. Lợi nhuận /Lỗ trong năm</b>  | <b>90</b> |             | <b>(249.617.850)</b> | <b>10.681.782</b>  |

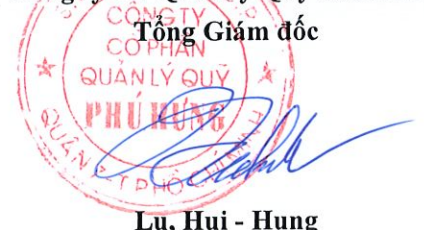
Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Xuân Trâm

Công ty Quản lý  
 Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng  
 Tổng Giám đốc



Lu, Hui - Hung



## BÁO CÁO TÀI SẢN

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                       | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước             | % cùng kỳ năm trước |
|--|-------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
| <b>1. Tiền</b>                                 |             | <b>383.606.880</b>    | <b>307.623.984</b>    | <b>124,70%</b>      |
| Tiền gửi ngân hàng                             | III.1       | 383.606.880           | 307.623.984           | 124,70%             |
| <b>2. Các khoản Đầu tư</b>                     | III.2       | <b>49.587.915.902</b> | <b>49.905.920.000</b> | <b>99,36%</b>       |
| 2.1. Trái phiếu                                |             | 5.000.000.000         | 5.000.000.000         | 100,00%             |
| 2.2. Cổ phiếu                                  |             | 21.105.920.000        | 21.105.920.000        | 100,00%             |
| 2.2.1. Cổ phiếu niêm yết                       |             | -                     | -                     | -                   |
| 2.2.2. Cổ phiếu chưa niêm yết                  |             | 21.105.920.000        | 21.105.920.000        | 100,00%             |
| 2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            |             | 23.481.995.902        | 23.800.000.000        | 98,66%              |
| <b>3. Cổ tức nhận được</b>                     |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |                     |
| <b>4. Lãi được nhận</b>                        |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |                     |
| <b>5. Phải thu bán chứng khoán</b>             |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |                     |
| <b>6. Các khoản phải thu khác</b>              |             | <b>3.904.110</b>      | <b>5.205.479</b>      | <b>75,00%</b>       |
| <b>7. Các tài sản khác</b>                     |             |                       |                       |                     |
| Tổng Tài sản                                   |             | 49.975.426.892        | 50.218.749.463        | 99,52%              |
| <b>8. Tiền phải thanh toán mua chứng khoán</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |                     |
| <b>9. Các khoản phải trả khác</b>              |             | <b>291.173.196</b>    | <b>284.877.917</b>    | <b>102,21%</b>      |
| Tổng nợ  |             | 291.173.196           | 284.877.917           | 102,21%             |
| <b>Tài sản ròng của quỹ</b>                    |             | <b>49.684.253.696</b> | <b>49.933.871.546</b> | <b>99,50%</b>       |
| <b>10. Tổng số đơn vị quỹ</b>                  |             | <b>5.000.000</b>      | <b>5.000.000</b>      | <b>100,00%</b>      |
| <b>11. Giá trị của một đơn vị quỹ</b>          |             | <b>9.937</b>          | <b>9.987</b>          | <b>99,50%</b>       |

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Xuân Trâm

Công ty Quản lý  
 Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng  
 Tổng Giám đốc



Ngân hàng lưu ký

Ngân hàng Thương mại CP Tiên Phong



Độc TT Ngân hàng lưu ký  
 KHỐI ĐẦU TƯ VÀ KHDN LỚN

Đỗ Phương Hà

## BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu   | Thuyết minh | Năm nay        | Năm trước      |
|--|-------------|----------------|----------------|
| <b>I. Giá trị tài sản ròng đầu năm</b>   |             | 49.933.871.546 | 49.923.189.764 |
| <b>II. Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm</b>   |             | (249.617.850)  | 10.681.782     |
| <i>Trong đó:</i>   |             |                |                |
| 1. Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động đầu tư của Quỹ trong năm                       |             | (249.617.850)  | 10.681.782     |
| 2. Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong năm |             | -              | -              |
| <b>III. Giá trị tài sản ròng cuối năm</b>  |             | 49.684.253.696 | 49.933.871.546 |

Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Xuân Trâm

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Công ty Quản lý  
 Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng  
 Tổng Giám đốc



Lu, Hui - Hung

Ngân hàng lưu ký

Ngân hàng Thương mại CP Tiên Phong



GIÁM ĐỐC TT NGÂN HÀNG LƯU KÝ  
 KHỐI ĐẦU TƯ VÀ KHDN LỚN  
 Đỗ Phương Hà

## BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

| STT              | Chỉ tiêu  | Số lượng         | Đơn giá thị trường<br>tại ngày 31/12/2021 | Tổng giá trị          | Tỷ lệ(%)/ trên<br>tổng giá trị TS<br>hiện tại của Quỹ |
|------------------|---|------------------|---|-----------------------|---|
| <b>I</b>         | <b>Cổ Phiếu niêm yết</b>                              | -                | -   | -                     |   |
| <b>II</b>        | <b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>                         | <b>2.110.592</b> | <b>10.000</b>                             | <b>21.105.920.000</b> | <b>42,23%</b>   |
|                  | Công ty CP Bảo hiểm Phú Hưng                          | 2.110.592        | 10.000                                    | 21.105.920.000        | 42,23%  |
| <b>III</b>       | <b>Trái phiếu</b>                                     | <b>5</b>         | <b>1.000.000.000</b>                      | <b>5.000.000.000</b>  | <b>10,00%</b>   |
|                  | Trái phiếu Công ty TNHH Thế Vượng                     | 5                | 1.000.000.000                             | 5.000.000.000         | 10,00%  |
| <b>IV</b>        | <b>Các tài sản khác</b>                               |                  | <b>3.904.110</b>                          | <b>3.904.110</b>      | <b>0,01%</b>  |
|                  | Phải thu khác   |                  | 3.904.110                                 | 3.904.110             | 0,01%   |
| <b>V</b>         | <b>Đầu tư khác</b>                                    |                  | <b>23.481.995.902</b>                     | <b>23.481.995.902</b> | <b>46,99%</b>   |
|                  | Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái |                  | 20.664.000.000                            | 20.664.000.000        | 41,35%  |
|                  | Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Phát Triển Hưng Tuyền |                  | 2.817.995.902                             | 2.817.995.902         | 5,64%   |
| <b>VI</b>        | <b>Tiền</b>   |                  | <b>383.606.880</b>                        | <b>383.606.880</b>    | <b>0,77%</b>  |
|                  | Tiền gửi ngân hàng                                    |                  | 383.606.880                               | 383.606.880           | 0,77%   |
| <b>Tổng cộng</b> |   |                  |   | <b>49.975.426.892</b> | <b>100,00%</b>  |

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Công ty Quản lý

Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng

Người lập biểu



Nguyễn Minh Xuân Trâm

Tổng Giám đốc



Lu, Hui - Hung

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

#### 1. Khái quát về Quỹ Đầu Tư Phát Triển Hằng Thông

Quỹ Đầu tư Phát Triển Hằng Thông được thành lập và hoạt động theo hình thức quỹ đại chúng đóng và đã được Ủy Ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận trong thông báo số 189/TB-UBCK ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng thành lập quỹ Đầu Tư Phát Triển Hằng Thông.

Trụ sở chính của Quỹ Đầu tư tại Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM.

#### 2 Lĩnh vực kinh doanh, đầu tư

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính và duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, có khả năng đem lại lợi nhuận hoặc lãi trên vốn cao nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro; Các hình thức đầu tư của Quỹ bao gồm đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp... Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ nhằm đến là trong quá trình đầu tư là làm gia tăng các khoản đầu tư thông qua giúp cho các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính và quản trị doanh nghiệp năng cao năng lực cạnh tranh đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư và lợi ích cho Quỹ.

3. Quỹ do Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng Quản lý và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Tiên Phong lưu ký tài sản Quỹ.

### II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Chế độ kế toán

Quỹ áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán đối với Quỹ đầu tư chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan.

Theo Quyết định này Báo cáo tài chính của quỹ bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động
- Báo cáo Tài sản
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
- Báo cáo danh mục đầu tư
- Thuyết minh báo cáo tài chính

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán năm đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/07/2017.

Niên độ kế toán hàng năm tiếp theo của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 4. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 5. Tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Quỹ tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam;

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định Quỹ đánh giá lại số dư ngoại tệ theo tỷ giá thực tế tại thời điểm lập báo cáo.

### 6. Đầu tư chứng khoán

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Cổ phiếu, trái phiếu chưa niêm yết ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán do Quỹ đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### 7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Quỹ đầu tư phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí đầu tư trong kỳ. Việc đánh giá và trích lập dự phòng được thực hiện vào thời điểm lập báo cáo tài chính.

### 8. Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

Khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các công ty này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào thu nhập từ hoạt động đầu tư trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác** : khoản tổn thất do các công ty liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí đầu tư trong kỳ.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Quỹ Đầu tư.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Quỹ đầu tư.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2021**

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Đối với vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Theo quy định hiện hành Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế TNDN; Tuy nhiên theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong hoặc ngoài nước, Quỹ cần phải giữ lại 25% lợi nhuận phân phối (ngoại trừ lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế TNDN ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật), kê khai và nộp thuế thay cho nhà đầu tư.

### **14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### **15. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ**

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

### **16. Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Chế độ kế toán đối với Quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

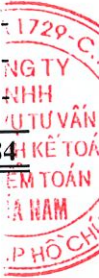
Năm 2021

### III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### 1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|  | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|--|--------------------|--------------------|
| - Tiền mặt                                       |                    |                    |
| - Tiền gửi ngân hàng                             | 383.606.880        | 307.623.984        |
| + Tiền gửi (VND)                                 | 383.606.880        | 307.623.984        |
| <i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong</i>   | 383.606.880        | 307.623.984        |
| + Tiền gửi (USD)                                 | -                  | -                  |
| - Tiền đang chuyển                               | -                  | -                  |
| - Các khoản tương đương tiền                     | -                  | -                  |
| + Tiền gửi có kỳ hạn                             | -                  | -                  |
| + Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn | -                  | -                  |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>383.606.880</b> | <b>307.623.984</b> |





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 2.1. Chứng khoán kinh doanh

|                          | Số cuối năm           |                                    | Số đầu năm            |                                    |
|--------------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|
|                          | Giá trị gốc           | Giá trị trường tại ngày 31/12/2021 | Giá trị gốc           | Giá trị trường tại ngày 31/12/2020 |
| - Cổ phiếu niêm yết      | -                     | -                                  | -                     | -                                  |
| - Cổ phiếu chưa niêm yết | 21.105.920.000        | 21.105.920.000                     | 21.105.920.000        | 21.105.920.000                     |
| <b>Cộng</b>              | <b>21.105.920.000</b> | <b>21.105.920.000</b>              | <b>21.105.920.000</b> | <b>21.105.920.000</b>              |

#### Ghi chú:

- Giá trị gốc so với Giá trị trường của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết tại ngày lập BCTC không thay đổi, tham khảo báo giá số 05/2022/TV-SBC-BG ngày 01/03/2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.

#### 2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|   | Số cuối năm           |                       | Số đầu năm            |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|   | Giá trị gốc           | Giá trị hợp lý        | Giá trị gốc           | Giá trị hợp lý        |
| a. Đầu tư vào công ty con                                 | -                     | -                     | -                     | -                     |
| b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết                | -                     | -                     | -                     | -                     |
| c. Đầu tư vào các đơn vị khác                             | -                     | -                     | -                     | -                     |
| Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (*) | 20.664.000.000        | 20.664.000.000        | 20.664.000.000        | 20.664.000.000        |
| Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Phát triển Hưng Tuyền (*) | 3.136.000.000         | 2.817.995.902         | 3.136.000.000         | 3.136.000.000         |
| Trái phiếu Công ty TNHH Thế Vượng                         | 5.000.000.000         | 5.000.000.000         | 5.000.000.000         | 5.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>   | <b>28.800.000.000</b> | <b>28.481.995.902</b> | <b>28.800.000.000</b> | <b>23.800.000.000</b> |

#### Ghi chú:

- (\*) Các khoản đầu tư này đã được Công ty đánh giá giá trị hợp lý dựa trên báo cáo tài chính năm 2020, do Quý chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2021 của công ty này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 3 VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 3.1. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Vốn góp của nhà đầu tư                          |                       |                       |
| Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Phát Triển Phú Vinh | 25.500.000.000        | 25.500.000.000        |
| Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Phú Thịnh              | 24.500.000.000        | 24.500.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>50.000.000.000</b> | <b>50.000.000.000</b> |

#### 3.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|                             | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                |                |
| + Vốn góp đầu năm           | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm    | -              | -              |
| + Vốn góp giảm trong năm    | -              | -              |
| + Vốn góp cuối năm          | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Cổ tức lợi nhuận đã chia  | -              | -              |

#### 3.3. Cổ phiếu

|   | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| - Số lượng chứng chỉ quỹ                      | 5.000.000   | 5.000.000  |
| - Số lượng chứng chỉ quỹ đã bán ra công chúng | 5.000.000   | 5.000.000  |
| - Số lượng chứng chỉ quỹ đã mua lại           | -           | -          |
| - Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành        | 5.000.000   | 5.000.000  |

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

#### 3.4. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA PHÂN PHỐI

|                    | Số cuối năm   | Số đầu năm   |
|--------------------|---------------|--------------|
| Số dư đầu năm      | (66.128.454)  | (76.810.236) |
| Lãi/(Lỗ) trong năm | (249.617.850) | 10.681.782   |
| Số dư cuối năm     | (315.746.304) | (66.128.454) |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### IV . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
- 3 . Thông tin về các bên liên quan

#### 3.1. Bên có liên quan

| Bên liên quan                           | Mối quan hệ      |
|---|------------------|
| Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng         | Công ty quản lý  |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | Ngân hàng lưu ký |

#### 3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Quỹ với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

| Bên liên quan                           | Nội dung nghiệp vụ     | Năm nay     |
|---|------------------------|-------------|
| Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng         | Phí quản lý            | 249.873.196 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | Phí lưu ký tài sản quỹ | 60.000.000  |

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

| Bên liên quan                           | Nội dung nghiệp vụ     | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|---|------------------------|-------------|-------------|
| Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng         | Phí quản lý            | 249.873.196 | 250.377.917 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | Phí lưu ký tài sản quỹ | 5.000.000   | 6.000.000   |

### 4 . Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

#### 4.1. Chỉ tiêu về hoạt động đầu tư

|   |           |           |
|---|-----------|-----------|
| - Tỷ lệ các loại chứng khoán trên tổng giá trị tài sản            |           |           |
| - Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết trên tổng giá trị tài sản      | 0,00%     | 0,00%     |
| - Tỷ lệ các loại cổ phiếu chưa niêm yết trên tổng giá trị tài sản | 42,23%    | 42,23%    |
| - Tỷ lệ các loại trái phiếu trên tổng giá trị tài sản             | 10,00%    | 10,00%    |
| - Tỷ lệ các khoản đầu tư khác trên tổng giá trị tài sản           | 46,99%    | 46,99%    |
| - Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng trong tổng giá trị tài sản             | 0,77%     | 0,77%     |
| - Tỷ lệ bất động sản trong tổng giá trị tài sản                   | 0,00%     | 0,00%     |
| - Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tổng giá trị tài sản             | 0,98%     | 0,98%     |
| - Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản              | 0,84%     | 0,84%     |
| - Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ                     | 5.000.000 | 5.000.000 |

#### 4.2. Các chỉ số thị trường

|  |           |           |
|--|-----------|-----------|
| - Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm                                 | 5.000.000 | 5.000.000 |
| - Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty quản lý quỹ cuối năm   | 0,00%     | 0,00%     |
| - Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm              | 100,00%   | 100,00%   |
| - Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài                        | 0,00%     | 0,00%     |
| - Tỷ lệ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong năm | 0,00%     | 0,00%     |
| - Giá trị đơn vị quỹ cuối năm  | 9.937     | 9.937     |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 5. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Quỹ không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Xuân Trâm

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Công ty Quản lý

Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng

Tổng Giám đốc



Lu, Hui - Hung

